TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNTHANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**46** /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28 tháng 9 năm 2017.
V/v: *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Khải.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Vương Thị Thu.**

2. Ông: **Tống Như Hải**.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Hoài Linh.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Thanh Ba :Ông **Đỗ Anh Tú**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh ***Vũ T*** **-** Sinh năm 1981 (*có mặt*);

Địa chỉ: Khu 4, xã Y, huyện T, tỉnh P;

Bị đơn: Chị ***Ninh Thị T*** **-** Sinh năm 1988(có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 4, xã Y, huyện T, tỉnh P.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 10, thị trấn S, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Vũ T trình bày:**

Anh và chị Ninh Thị T kết hôn với nhau vào ngày 26/6/2009, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã N, huyện N, tỉnh T. Khi đó anh và chị T đều đi làm tự do. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình anh tại khu 4, xã Y, huyện T, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011, thì phát sinh mâu thuẫn do anh đi lao động nước ngoài ,chị T ở nhà đi ngoại tình, đến năm 2013 anh về nước thì chị T bế con bỏ đi miền nam làm ăn ở từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm với nhau nữa, nay anh xét thấy tình cảm giữa anh và chị T không thể hàn gắn được, anh yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Anh xác định anh và chị T có 01 con chung là cháu Vũ Ninh H – Sinh ngày 26/11/2009, hiện nay cháu đang ở với chị T. Nếu ly hôn anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Anh xác định vợ chồng anh không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành ủy thác lấy lời khai của chị Ninh Thị T, chị T khai như sau: về tình cảm vợ chồng chị nhất trí ly hôn với anh Vũ T.

Về con chung, chị xác định chị và anh T có một con chung với nhau: cháu Vũ Ninh H sinh năm 2009, hiện nay cháu đang ở với chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật.

Về tài sản chung, chị xác định chị và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị đề nghị từ chối việc hòa giải và đề nghị Tòa án xử vắng mặt như quan điểm chị đã trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay vị kiểm sát viên phát biểu quan điểm: vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba. Từ khi thụ lý và điều tra vụ án đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay.Thẩm phán đã giải quyết theo đúng trình tự của bộ luật Tố tụng dân sự quy định và đề nghị căn cứ điều 51, 55, 58 luật hôn nhân và gia đình, đề nghị xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị T, về con chung; giao cho chị T trực tiếp nuôi con chung, anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng bằng 1/2 mức lương tối thiểu như hiện nay. Về tài sản, công nợ, ruộng đất không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được bởi bị đơn chị Ninh Thị T hiện đang sinh sống tại Tỉnh C và chị T có đơn đề nghị xin xử vắng mặt là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Vũ T và chị Ninh Thị T là hôn nhân hợp pháp, bởi lẽ có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã N, huyện N, tỉnh T. Vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2011, anh T đi lao động nước ngoài anh cho rằng ở nhà chị T có quan hệ ngoại tình, năm 2013 anh về nước thì chị T bỏ đi Miền nam nay không quay lại với anh nữa, nay anh yêu cầu được ly hôn, phía chị T nhất trí ly hôn. Xét việc yêu cầu ly hôn của anh T và chị T là có căn cứ bởi lẽ vợ chồng đã sống ly thân

nhau từ năm 2013 cho đến nay, không còn quan tâm với nhau nữa, điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống chung không thể cải thiện được do vậy công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị T được quy định tại điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Anh Vũ T và chị Ninh Thị T đều xác nhận có 01 con chung cháu Vũ Ninh H – Sinh ngày 26/11/2009, Hiện nay cháu đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật, tại phiên tòa hôm nay anh T nhất trí như chị T yêu cầu, xét việc yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị T là chính đáng bởi, hiện nay cháu đang ở với chị không nên sáo trộn về tâm lý của đứa trẻ và cần sự chăm sóc của người mẹ có phần tốt hơn, đồng thời theo nguyện vọng của cháu H xin được ở với mẹ, do vậy giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng băng 1/2 mức lương tối thiểu như hiện nay là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình và đất nông nghiệp: Anh Vũ T và chị Ninh Thị T xác nhận đều không có.nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 55, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình điểm a khoản 5,6. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ T và chị Ninh Thị T**.**

Về con chung: Giao cho chị Ninh Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Ninh H – Sinh ngày 26/11/2009. Anh Vũ T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng 650.000đ (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng). Kể từ tháng 10/2017 cho đến khi cháu H trưởng thành.

Hai bên có quyền đi lại chăm sóc và nuôi dạy con chung không bên nào được ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: không anh T và chị T không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh Vũ T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận anh Vũ T đã nộp 300.000.đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba theo biên lai thu số: 0003909 ngày 03/7/2017.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15

ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện; tỉnh
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.
-UBND Xã Y.
.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Khải